

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu HQVN tại xã Linh Sơn và xã Đồng Lương, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH may mặc HQVN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; số 538/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy may xuất khẩu HQVN tại thị trấn Lang Chánh và xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh (nay là xã Linh Sơn và xã Đồng Lương tỉnh Thanh Hoá), số 2391/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 và số 465/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH may mặc HQVN tại Văn bản số 20/CV-PĐ ngày 20/3/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 869/TTr-SNNMT ngày 01/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu HQVN của Công ty TNHH may mặc HQVN, thực hiện tại xã Linh Sơn và xã Đồng Lương, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy may xuất khẩu HQVN tại xã Linh Sơn và xã Đồng Lương, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH may mặc HQVN.

2. Công ty TNHH may mặc HQVN: Có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Linh Sơn, Chủ tịch UBND xã Đồng Lương; Giám đốc Công ty TNHH may mặc HQVN; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy may xuất khẩu HQVN tại xã Linh Sơn và xã Đồng Lương,
tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH may mặc HQVN
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy may xuất khẩu HQVN.
- Địa điểm thực hiện: Xã Linh Sơn và Đồng Lương tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH may mặc HQVN.
- + Người đại diện: Vũ Văn Anh; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Chiềng Ban 2, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh (nay là xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hoá).

1.2. Quy mô, công suất

- Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Linh Sơn và Đồng Lương, tỉnh Thanh Hoá với tổng diện tích là 36.589,8m².
- Loại hình dự án: Sản xuất sản phẩm may mặc.
- Quy mô công suất: 1.800.000 sản phẩm/năm.
- Tổng số người làm việc: tối đa 1000 người làm việc theo ca.

1.3. Công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (Vải, vật liệu phụ...) → Cắt bán thành phẩm (ép mex, thêu) → May → Là → Kiểm tra → Hoàn thiện, đóng gói → Xuất bán.

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình của dự án: Nhà xưởng chính 02 tầng (diện tích xây dựng khoảng 10.500 m²); các hạng mục công trình 01 tầng, gồm: Khu nhà văn phòng (khoảng 525 m²), nhà kho (khoảng 3.150 m²), nhà ăn (khoảng 1.350 m²), nhà nghỉ ca công nhân (khoảng 480 m²), nhà để xe 1 (khoảng 1.555 m²), nhà để xe 2 (khoảng 940 m²), nhà lò hơi (khoảng 184 m²), tháp nước + nhà bơm (khoảng 64 m²), nhà bảo vệ (khoảng 25 m²), nhà máy phát điện & TBA (khoảng 25 m²), nhà để xe ô tô (khoảng 89 m²), khu xuất nhập hàng xưởng 1 và nhà kho (khoảng 660 m²) và các hạng mục công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác
- Hoạt động của dự án:
- + Giai đoạn thi công xây dựng: Xây dựng, hoàn thiện các hạng mục công trình phục vụ dự án.
- + Vận hành dự án: Sản xuất gia công sản phẩm may mặc.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng 17.831,4m² đất trồng lúa 02

vụ, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: san nền, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; hoạt động sinh hoạt của công nhân,... phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn...tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải:

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,3 m³/ngày (nước thải vệ sinh 1,15 m³/ngày; nước rửa tay chân 1,15 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng Coliform....

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 2,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng ngày lớn nhất 129,26 lít/s. Thành phần chủ yếu bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 120 m³/ngày (nước tắm rửa tay 60m³/ngày đêm; nước nhà vệ sinh 36 m³/ngày đêm; nước thải nấu ăn 24 m³/ngày đêm). Thành phần chủ yếu: pH, BOD₅, TSS, Amoni, dầu mỡ, tổng Coliform....

- Nước thải sản xuất gồm: Nước thải xử lý khí thải của lò hơi khoảng 3,0 m³/ngày đêm; nước thải vệ sinh lò hơi 1,0 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là cặn lắng, chất rắn lơ lửng...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng 292 lít/s, thành phần chủ yếu chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.1.2. Khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải của phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ

nguyên vật liệu,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO_2 , NO_x , CO ,...

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Thành phần chủ yếu gồm bụi vô cơ, khí CO , SO_2 , NO_2 và VOC.

- Bụi từ quá trình pha cắt, may, vệ sinh sản phẩm (xưởng may mặc). Thành phần chủ yếu là bụi vải.

- Các hơi khí độc hại phát sinh từ các công trình xử lý nước thải (cống rãnh thoát nước thải), khu tập kết chất thải rắn; thành phần chủ yếu gồm H_2S ; NH_3 ; CH_4 ...

- Bụi, khí thải từ hoạt động của lò hơi đốt than. Thành phần chủ yếu gồm bụi vô cơ, khí CO , SO_2 , NO_2

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường:

3.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 16 kg/ngày, thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát quang thực vật khoảng 415,64 tấn; chất thải rắn bóc hữu cơ là 3566,28 m^3 ; đất bóc phong hóa là 37.516,80 m^3 ; đất đào thừa có khối lượng là 1.057,5 m^3 ; vật liệu rơi vãi 891,7 tấn; sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại,... 26,5 tấn; vỏ bao xi măng 179,6 kg.

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 215 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì...; thức ăn thừa từ hoạt động nấu ăn khoảng 45 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm: Mảnh vải vụn cắt thừa, chỉ may thừa, kim may gãy hỏng, giấy carton, bao gói nguyên liệu,... là: 16,25 tấn/năm; tro xỉ lò hơi đốt than khoảng 80 kg/ngày; bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, bể tự hoại... khoảng 64,1 m^3 /năm.

- Chất thải từ hoạt động vệ sinh môi trường định kỳ trong khuôn viên cơ sở khoảng 5 kg/ngày.

3.2.2. Chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, vỏ thùng sơn ... khối lượng khoảng 4 kg/tháng và thời gian thi công là 12 tháng như vậy tổng khối lượng chất thải rắn nguy hại là 48 kg/quá trình.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa khoảng 211 lít/giai đoạn thi công.

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, can nhựa đựng xăng dầu, kim tiêm y tế.... 10 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, thay dầu thiết bị máy của dự án khoảng 10 lít/lần thay.

3.3. Tiếng ồn, độ rung.

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các dây chuyền sản xuất trong nhà máy; từ phương tiện ra vào nhà máy,...và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

- Dự án làm mất đất nông nghiệp chủ yếu là diện tích đất trồng lúa 02 vụ của người dân xã Linh Sơn và xã Đồng Lương. Việc chiếm dụng diện đất sản xuất nông nghiệp của các hộ dân gây thiệt hại về thu nhập, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và tâm lý người dân.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố thiên tai, mưa lũ trong quá trình thi công; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bom mìn tồn lưu; sự cố ngộ độc thực phẩm; sự cố dịch bệnh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay, chân → 01 hố lắng thể tích 2,0 m³ (lót vải địa kỹ thuật HDPE thành và đáy để chống thấm) tại lán trại công nhân → hệ thống thoát mương hiện trạng phía Đông dự án.

- Nước thải vệ sinh thu gom, xử lý bằng 03 nhà vệ sinh di động (dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 500 lít) đặt tại khu lán trại và công trường thi công; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bồn cạn (tần suất 01 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng hoặc khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải xây dựng → 01 bể lắng dung tích 3,0 m³ (lót vải địa kỹ thuật HDPE thành và đáy để chống thấm) tại khu vực lán trại → hệ thống thoát nước phía Đông Bắc dự án.

- Nước mưa chảy tràn: Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm thời → hệ thống thoát mương hiện trạng phía Đông dự án..

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước mưa chảy tràn → hệ thống thoát nước mưa là cống tròn BTCT D200, D400 (có bố trí song chắn rác và gổ ga để thu gom bùn đất, rác thải có lẫn

vào nước mưa) → mương thoát nước chung khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ → các hố ga để lắng cặn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý → mương thoát nước chung khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải nhà ăn → Song chắn rác → bể tách dầu mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý → mương thoát nước chung khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải vệ sinh lò hơi xử lý khí thải lò hơi → 01 bể lắng 2 ngăn có thể tích $V = 6,0 \text{ m}^3$ (kích thước: dài x rộng x sâu = $2,0 \text{ m} \times 2,0 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$ xây bằng gạch VXM) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý → mương thoát nước chung khu vực phía Đông dự án.

- Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) xử lý sơ bộ trong 09 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 290 m^3 kết cấu tường xây gạch chỉ, trát VXM (04 bể đặt tại nhà xưởng sản xuất, 01 bể tại nhà hành chính, 02 bể tại khu vực nhà nghỉ ca; 02 bể đặt tại nhà ăn) → hệ thống xử lý nước thải công suất $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

Quy trình, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải công suất $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$: Bể tách dầu mỡ → Bể gom tổng → Bể điều hoà → Bể xử lý sinh học thiếu khí → Bể xử lý sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hồ kiểm chứng → Nguồn tiếp nhận (mương thoát nước chung khu vực phía Đông dự án).

Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_f = 1,2$; $K_q = 0,9$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra mương thoát nước chung khu vực phía Đông dự án, tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): $X = 2230596 \text{ (m)}$; $Y = 524129 \text{ (m)}$. Từ ngày 01/01/2032, áp dụng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (khuyến khích Chủ đầu tư áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT từ ngày 01/9/2025)

4.1.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, lắng nước mưa chảy tràn đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Định kỳ nạo vét cặn bùn nhà vệ sinh tự hoại, bể khử trùng; các mương rãnh thu gom nước mưa, nước thải và các hồ lắng.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Sử dụng xe xitéc 5,0 m³ phun tưới nước giảm thiểu bụi với tần suất phun nước ít nhất 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật; phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường.

- Lắp dựng tường rào tạm cao 2,5 m dài 500 m quanh vị trí gần khu vực dự án để giảm thiểu bụi khuếch tán.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Khí thải lò hơi → Xyclon lọc bụi → Xyclon màng nước → Lốp than hoạt tính → Quạt hút khí thải → Ống khói cao 15 m → môi trường.

Khí thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thải ra môi trường. Từ ngày 01/01/2032, áp dụng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (khuyến khích Chủ đầu tư áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT từ ngày 01/7/2025).

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình cắt, may, vệ sinh sản phẩm: Trang bị các đầu hút bụi tại khu vực máy cắt vải; lắp đặt 10 hệ thống chụp hút bụi vải bằng xyclon trong các xưởng sản xuất, kho cắt vải (hệ thống bằng quạt hút 5m³/h, thân dạng xyclon D = 0,3 m).

- Bụi khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm: Bố trí thời gian xuất, nhập nguyên liệu, sản phẩm hợp lý; định kỳ bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện vận chuyển; thường xuyên quét dọn, vệ sinh và phun tưới nước sân đường nội bộ trung bình 01 lần/ngày, thực hiện bổ sung khi phát sinh bụi nhiều.

4.1.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Lắp đặt hệ thống gió công nghiệp và hệ thống làm mát (tấm Cooling pad) lưu thông không khí, điều hòa khí hậu cho nhà xưởng.

- Thiết kế nhà xưởng sản xuất, phòng máy và kho nguyên liệu sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên.

- Đối với bụi bông, bụi vải phát sinh trên nền nhà xưởng được công nhân thường xuyên tiến hành vệ sinh công nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra và nạo vét bùn thải định kỳ hệ thống mương rãnh thu gom nước mặt, nước thải; bổ sung chế phẩm (BIO-S, BIO-Phốt) cho bể tự hoại và thông tắc đường ống thoát nước thải.

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng tại vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế bụi, tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn:

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị ít nhất 03 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 50 lít tại khu vực lán trại và khu vực công trường thi công; đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng của địa phương vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thảm phủ thực vật được người dân chủ động thu hoạch trước khi thực hiện dự án.

+ Đối với cát, đá rơi vãi được thu gom và tận dụng làm vật liệu tôn nền các hạng mục công trình tại dự án.

+ Đối với loại chất thải rắn tái chế (bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng, vỏ thùng sơn...) được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Đối với đất bóc hữu cơ được tận dụng san nền khu vực dự án và trồng cây.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị thùng chứa rác các loại 5 lít/thùng; 20 lít/thùng; 30 lít/thùng, 60 lít/thùng, 240 lít/thùng,... có nắp đậy bố trí tại phòng làm việc, hành lang các nhà xưởng, khu nhà điều hành, khu nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân, nhà vệ sinh, sân đường nội bộ... sau đó thu gom về khu vực kho chứa rác có tổng diện tích 100 m² (có vách ngăn thành 01 ngăn chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 30 m², 01 ngăn chứa rác thải sản xuất có diện tích 40 m² và 01 ngăn chứa rác thải nguy hại có diện tích 30 m²) dự kiến bố trí tại khu vực bên trong nhà kho của nhà máy; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sản xuất:

+ Đối với bụi vãi, vụn vãi, chỉ thừa, sản phẩm lỗi, bao bì thừa: Trang bị thùng rác tại các nhà xưởng sản xuất, cuối thu gom đưa về khu vực chứa chất thải rắn sản xuất rộng 40 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Tro xỉ được thu gom và đóng bì hằng ngày, hàng tuần hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung; bùn vét mương thoát nước chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thông hút, vận chuyển xử lý theo quy định.

4.2.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT); Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị ít nhất 02 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng có dán nhãn cảnh báo nguy hại, nắp đậy theo quy định để lưu giữ chất thải nguy hại dạng rắn, lưu trữ tạm tại khu chứa riêng cạnh khu vực lán trại có mái che bằng tôn.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị ít nhất 02 thùng chứa (dung tích 200 l) có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định để chứa chất thải lỏng nguy hại và lưu chứa cùng chất thải rắn nguy hại.

Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công xây dựng hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại phát sinh: Phân loại ngay khi phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa CTNH tại kho chứa CTNH.

- Kho chứa CTNH có tổng diện tích 30 m² (Khu vực chứa CTNH có diện tích 30 m² được bố trí bên trong nhà kho chứa rác, được chia thành 4 ngăn, xung quanh được xây dựng tường bằng gạch, nền bê tông xung quanh mỗi ngăn bố trí rãnh thu gom nước rỉ rác, mái lợp tôn, cửa thép có dán nhãn cảnh báo tên loại chất thải lưu chứa tại mỗi ngăn). Bên trong mỗi ngăn được bố trí từ 2-3 thùng dạng 500 l, có nắp đậy, dán nhãn từng thùng để lưu giữ).

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Phân loại, thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số

05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công:

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường;
- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.
- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ; kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.
- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây chuyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại; lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân để các máy móc, thiết bị.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.
- Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyền sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực cổng ra vào của Nhà máy.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

4.3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện nghiêm túc yêu cầu an toàn PCCC đối với các xưởng sản xuất theo các quy định trong TCVN 2622: 1995 Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống đường ống, các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư phải khẩn trương tiến hành nạo vét, sửa chữa ngay trong thời gian nhanh nhất, chuẩn bị sẵn các thiết bị thay thế khi cần thiết; báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn về môi trường khi xảy ra sự cố môi trường.
- Ban hành và tuân thủ nội quy an toàn lao động, quy trình vận hành thiết bị trong nhà máy.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 9, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án. Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của Dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.
- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh trong khuôn viên Dự án, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng
- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn xây dựng và vận hành Dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.